

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2022/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Thanh T, sinh năm 1984

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1990

Cùng trú tại: Số 427, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T xin vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Mai Thanh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thu H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2008 tại UBND xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên nhân anh T xin ly hôn với chị H vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được.

Nay anh T xác định bản thân không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có ba con chung là: Mai Đức M, sinh ngày: 30/5/2007; Mai Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/10/2008 và Mai Mỹ Q, sinh ngày: 11/12/2011. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện anh T đang đi làm thợ xây, thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000 đồng, anh T có khả năng và điều kiện nuôi con ăn học. Ngoài ra còn có sự hỗ trợ từ cha mẹ ruột anh T trong việc nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

* Trong suốt quá trình tố tụng chị H không đồng ý ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định pháp luật; chị Lê Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thanh T. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh T được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao ba con chung là cháu: Mai Đức M, sinh ngày: 30/5/2007; Mai Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/10/2008 và Mai Mỹ Q, sinh ngày: 11/12/2011 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Mai Thanh T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn chị Lê Thị Thu H, hiện đang cư trú tại: Xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho chị H. Tuy nhiên, chị H vẫn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do, mặt khác anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Thanh T và chị Lê Thị Thu H là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận

kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T thì thấy: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử anh T cương quyết xin ly hôn với chị H vì giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh không còn tình cảm thương yêu đối với chị H. Hơn nữa, chị H không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình, chị H bế tắc không thuyết phục được anh T trở về đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của anh T và chị H không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho anh T được ly hôn với chị H.

2.3. Về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, chị H không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, hiện tại cả ba con chung đang sống cùng anh T và các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh T. Do đó, việc giao ba con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại thời điểm hiện nay là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, nợ chung: Anh T khai không có nên không đề cập.

[3] Về án phí: Anh Mai Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Mai Thanh T được ly hôn với chị Lê Thị Thu H.

- *Về con chung*: Giao ba cháu: Mai Đức M, sinh ngày: 30/5/2007; Mai Thị Mỹ L, sinh ngày: 04/10/2008 và Mai Mỹ Q, sinh ngày: 11/12/2011 cho anh Mai Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con, chăm sóc con chung của các đương sự.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, nợ chung: Anh T khai không có nên không đề cập.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Mai Thanh T đã nộp theo Biên lai thu số 0000461 ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Mai Thanh T đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã T, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 122 ngày 04/06/2008);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Quyên